

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **76/ 2020/DS-PT**

Ngày: 09 - 07 - 2020

V/v Tranh chấp Hợp đồng dân
sự về nợ hụi và vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Thẩm phán: 1/. Ông Nguyễn Văn Toàn

2/. Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Trần Hồng Diễm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09 tháng 07 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 04 năm 2020, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng dân sự về góp hụi và vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 65/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 04 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 80/2020/QĐ-PT ngày 19 tháng 05 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà NĐ, sinh năm 1960; Địa chỉ: ấp 1, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Bị đơn:

1. Bà BĐ, sinh năm 1964; (vắng mặt)

2. Ông BĐ1, sinh năm 1952; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Người kháng cáo: Bà NĐ là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nguyên đơn ND trình bày: Nguyên vào năm 2007 2008, bà BĐ và ông BĐ1 là hội viên tham gia chơi hội do ND làm chủ hội cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất: Hội mùa, mức hội 3.000.000đồng, khai ngày 26/07/2007 âl, có 12 phần, BĐ1 và BĐ tham gia 01 phần, phần hội BĐ hốt hội. Sau khi hốt hội, BĐ1 và BĐ đóng được 05 lần hội chết, còn nợ lại 07 lần không đóng với số tiền 21.000.000 đồng (3.000.000đ x 07 lần).

- Dây thứ hai: Hội tháng, mức hội 200.000đồng, khai ngày 06/10/2007 âl, có 24 phần, BĐ1 và BĐ tham gia 01 phần, phần hội BĐ hốt hội. Sau khi hốt hội, BĐ1 và BĐ đóng được 17 lần hội chết, còn nợ lại 07 lần không đóng với số tiền 1.400.000 đồng (200.000đ x 07 lần).

- Dây thứ ba: Hội tháng, mức hội 500.000đồng, khai ngày 09/12/2007 âl, có 20 phần, BĐ1 và BĐ tham gia 01 phần, phần hội BĐ hốt hội. Sau khi hốt hội, BĐ1 và BĐ đóng được 13 lần hội chết, còn nợ lại 07 lần không đóng với số tiền 3.500.000 đồng (500.000đ x 07 lần).

- Dây thứ tư: Hội tháng, mức hội 1.000.000đồng, khai ngày 20/10/2008 âl, có 20 phần, BĐ1 và BĐ tham gia 01 phần, phần hội BĐ hốt hội. Sau khi hốt hội, BĐ1 và BĐ đóng được 03 lần hội chết, còn nợ lại 17 lần không đóng với số tiền 17.000.000 đồng (1.000.000đ x 17 lần).

- Dây thứ năm: Hội tháng, mức hội 500.000đồng, khai ngày 16/07/2008 âl, có 24 phần, BĐ1 và BĐ tham gia 01 phần, phần hội BĐ hốt hội. Sau khi hốt hội, BĐ1 và BĐ đóng được 06 lần hội chết, còn nợ lại 18 lần không đóng với số tiền 9.000.000 đồng (500.000đ x 18 lần).

- Dây thứ sáu: Hội tháng, mức hội 300.000đồng, khai ngày 29/01/2008 âl, có 22 phần, BĐ1 và BĐ tham gia 01 phần, phần hội BĐ hốt hội. Sau khi hốt hội, BĐ1 và BĐ đóng được 13 lần hội chết, còn nợ lại 09 lần không đóng với số tiền 2.700.000 đồng (300.000đ x 09 lần).

- Dây thứ bảy: Hội nửa tháng, mức hội 200.000đồng, khai ngày 30/07/2008 âl, có 30 phần, BĐ1 và BĐ tham gia 01 phần, phần hội BĐ hốt hội. Sau khi hốt hội, BĐ1 và BĐ đóng được 12 lần hội chết, còn nợ lại 18 lần không đóng với số tiền 3.600.000 đồng (200.000đ x 18 lần).

Ngoài ra, vào ngày 06/01/2009 âl ND hỏi vay cho BĐ1 và BĐ số tiền 10.000.000 đồng, tiền lãi 02 tháng 1.000.000 đồng. Tổng cộng nợ tiền vay 11.000.000 đồng.

Nay bà ND yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông BĐ1 và bà BĐ trả tổng số tiền 69.200.000 đồng.

2. Bị đơn BĐ trình bày: Bà BĐ và ông BĐ1 không có tham gia chơi hội và nợ tiền hội như bà ND trình bày. Đồng thời, vợ chồng BĐ và BĐ1 cũng không có

nờu NĐ vay tiền như NĐ trình bày. Do đó, bà BĐ và ông BĐ1 không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Liên.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2020, đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 5; Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; các Điều 144; 146; 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 357, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 30, Điều 31 Nghị Định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà NĐ đối với các bị đơn ông BĐ1 và bà BĐ về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự - nợ hụi và vay tài sản”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 03/03/2020, nguyên đơn NĐ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2020, với lý do: Cấp sơ thẩm không xem xét khách quan, toàn bộ vụ án, không tiến hành xác minh làm rõ việc BĐ1 và BĐ tham gia 07 dây hụi và nhờ bà vay số tiền 10.000.000đồng như bà khởi kiện, cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai đơn phương của BĐ để giải quyết vụ án. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn NĐ không rút lại đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và cho rằng kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn ND là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn BD và BD1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khác quan. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[III] Về nội dung:

[1] Theo các tài liệu, chứng cứ do Tòa án cấp phúc thẩm thu thập, tại các Biên bản ghi lời khai ngày 02/11/2009, ngày 12/5/2011, ngày 22/6/2012, ngày 02/7/2012, ngày 03/7/2012 và Biên bản đối chất xác nhận nợ ngày 10/6/2011 của bị đơn BD tại Cơ quan Điều tra Công an huyện Long Phú đã thừa nhận: Bị đơn BD có tham gia chơi hội do nguyên đơn ND làm chủ hội và BD là hội viên, cụ thể như sau:

[1.1] Dây thứ nhất: Hội mùa, mức hội 3.000.000đồng, khai ngày 26/07/2007 âl, có 12 phần, BD tham gia 01 phần, phần hội BD hốt hội và còn nợ lại 04 lần không đóng với số tiền 12.000.000 đồng (3.000.000đ x 04 lần).

[1.2] Dây thứ hai: Hội tháng, mức hội 200.000đồng, khai ngày 06/10/2007 âl, có 24 phần, BD tham gia 01 phần, phần hội BD hốt hội và còn nợ lại 04 lần không đóng với số tiền 800.000 đồng (200.000đ x 04 lần)..

[1.3] Dây thứ ba: Hội tháng, mức hội 500.000đồng, khai ngày 16/07/2008 âl, có 24 phần, BD tham gia 01 phần, phần hội BD hốt hội và còn nợ lại 11 lần không đóng với số tiền 5.500.000 đồng (500.000đ x 11 lần).

[1.4] Dây thứ tư: Hội mùa, mức hội 2.000.000đồng, khai ngày 15/1/2008 âl, có 12 phần, BD tham gia 01 phần, đóng hội 04 lần, chưa hốt hội.

[1.5] Dây thứ năm: Hội tháng, mức hội 1.000.000đồng, khai ngày 28/8/2008 âl, có 22 phần, BD tham gia 01 phần, phần hội BD hốt hội và còn nợ lại 12 lần không đóng với số tiền 12.000.000 đồng (1.000.000đ x 12 lần).

[1.6] Dây thứ sáu: Hội ngày, mức hội 10.000đồng, khai ngày 29/6/2008 âl, có 70 phần, BD tham gia 10 phần, phần hội BD hốt hội và còn nợ lại 09 lần không đóng với số tiền 900.000 đồng (10.000đ x 10 phần x 09 lần).

[2] Đồng thời, theo Bản kết luận Điều tra bổ sung số 02/KLĐT ngày 20/9/2012 của Cơ quan Điều tra Công an huyện Long Phú (sau đây viết tắt là BKLĐT) đã kết luận: Bị đơn BD có tham gia chơi hội do nguyên đơn ND làm chủ hội và BD là hội viên, cụ thể như sau:

[2.1] Dây thứ nhất (theo BKLĐT dây 1): Hội mùa, mức hội 3.000.000đồng, khai ngày 26/07/2007 âl, có 12 phần, BD tham gia 01 phần, phần hội BD hốt hội và còn nợ lại 04 lần không đóng.

[2.2] Dây thứ hai (theo BKLĐT dây 3): Hụi tháng, mức hụi 200.000đồng, khai ngày 06/10/2007 âl, có 24 phần, BĐ tham gia 01 phần, phần hụi BĐ hốt hụi và còn nợ lại 08 lần không đóng.

[2.3] Dây thứ ba (theo BKLĐT dây 4): Hụi tháng, mức hụi 500.000đồng, khai ngày 09/12/2007 âl, có 20 phần, BĐ tham gia 01 phần, phần hụi BĐ hốt hụi và còn nợ lại 05 lần không đóng.

[2.4] Dây thứ tư (theo BKLĐT dây 5): Hụi tháng, mức hụi 500.000đồng, khai ngày 09/12/2007 âl, có 20 phần, BĐ tham gia 01 phần, phần hụi BĐ hốt hụi và còn nợ lại 07 lần không đóng.

[2.5] Dây thứ năm (theo BKLĐT dây 10): Hụi tháng, mức hụi 500.000đồng, khai ngày 16/07/2008 âl, có 24 phần, BĐ tham gia 01 phần, phần hụi BĐ hốt hụi và còn nợ lại 16 lần không đóng.

[2.6] Dây thứ sáu (theo BKLĐT dây 11): Hụi tháng, mức hụi 1.000.000đồng, khai ngày 28/8/2008 âl, có 22 phần, BĐ tham gia 01 phần, phần hụi BĐ hốt hụi và còn nợ lại 16 lần không đóng.

[2.7] Dây thứ bảy (theo BKLĐT dây 25): Hụi tháng, mức hụi 200.000đồng, khai ngày 30/7/2008 âl, có 30 phần, BĐ tham gia 01 phần, phần hụi BĐ hốt hụi và còn nợ lại 15 lần không đóng.

[3] Như vậy, cho thấy bị đơn BĐ có tham gia chơi hụi, nhiều dây dụi do nguyên đơn NĐ làm chủ hụi (đầu thảo) và còn nợ tiền hụi của nguyên đơn là đúng như nguyên đơn trình bày, theo bị đơn không có tham gia chơi hụi do nguyên đơn làm chủ hụi và không có nợ tiền hụi nguyên đơn là trình bày gian dối, không đúng sự thật. Trong khi đó vụ án hình sự truy tố NĐ về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đã được Tòa án nhân dân huyện Long Phú xét xử và lưu trữ tại tòa, nhưng Thẩm phán không tiến hành thu thập làm rõ mà chỉ dựa vào lời trình bày không thừa nhận của bị đơn. Từ đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là gây thiệt thòi đến quyền lợi của nguyên đơn và không làm hết trách nhiệm.

[4] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và được bị đơn thừa nhận như nêu trên, nên có căn cứ xác định và các đương sự không phải chứng minh là bị đơn có tham gia chơi hụi do nguyên đơn làm chủ hụi gồm các dây hụi:

[4.1] Dây hụi mùa, mức hụi 3.000.000đồng, khai ngày 26/07/2007 âl, có 12 phần, BĐ tham gia 01 phần, phần hụi BĐ hốt hụi.

[4.2] Dây hụi tháng, mức hụi 200.000đồng, khai ngày 06/10/2007 âl, có 24 phần, BĐ tham gia 01 phần và đã hốt hụi.

[4.3] Dây hụi tháng, mức hụi 500.000đồng, khai ngày 16/07/2008 âl, có 24 phần, BĐ tham gia 01 phần, phần hụi BĐ hốt hụi.

[5] Đối với các dây hụi nêu trên, bị đơn xác nhận còn nợ lại nguyên đơn số tiền hụi chết chưa đóng trả của Dây hụi mùa, mức hụi 3.000.000đồng, khai ngày 26/07/2007 âl, còn nợ 4 lần; Dây hụi tháng, mức hụi 200.000đồng, khai ngày 06/10/2007 âl, còn nợ 4 lần; Dây hụi tháng, mức hụi 500.000đồng, khai ngày 16/07/2008 âl, còn nợ 11 lần. Nhưng không được nguyên đơn thừa nhận và bị đơn

cũng không chứng minh được nên theo nguyên đơn cho rằng bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền hội chết chưa đóng trả của Dây hội mùa, mức hội 3.000.000đồng, khai ngày 26/07/2007 âl, còn nợ 07 lần; Dây hội tháng, mức hội 200.000đồng, khai ngày 06/10/2007 âl, còn nợ 07 lần; Dây hội tháng, mức hội 500.000đồng, khai ngày 16/07/2008 âl, còn nợ 18 lần là có căn cứ.

[6] Đối với dây hội tháng có mức hội 1.000.000đồng, theo nguyên đơn khai ngày 20/10/2008 âl, có 20 phần, BĐ tham gia 01 phần, phần hội BĐ hốt hội; theo bị đơn thừa nhận và theo BKLĐT thì khai ngày 28/8/2008 âl, có 22 phần, BĐ tham gia 01 phần, phần hội BĐ hốt hội. Mặc dù, về thời gian ngày tháng và số phần hội có lệch nhau, nhưng bị đơn chỉ có tham gia chơi hội của nguyên đơn làm chủ hội 01 phần hội của dây hội tháng có mức hội 1.000.000đồng, không tham gia dây hội nào khác có mức hội 1.000.000đồng. Do đó, theo nguyên đơn khởi kiện bị đơn có tham gia chơi hội dây hội tháng có mức hội 1.000.000đồng, tham gia 01 phần, phần hội bị đơn hốt hội và còn nợ lại tiền hội chết là có cơ sở.

[7] Đối với dây hội tháng có mức hội 500.000đồng, khai ngày 09/12/2007 âl (theo bản án sơ thẩm là ngày 09/12/2008), có 20 phần, BĐ tham gia 01 phần, phần hội BĐ hốt hội và còn nợ hội chết 07 lần. Tuy tại Biên bản đối chất ngày 09/8/2011 bị đơn không thừa nhận, nhưng tại BKLĐT thì có đến 02 dây hội tháng có mức hội 500.000đồng, khai cùng ngày 09/12/2007 âl, cùng có 20 phần, BĐ tham gia mỗi dây 01 phần, phần hội BĐ hốt hội và còn nợ hội chết một dây 05 lần, một dây 07 lần và theo đơn khởi kiện thể hiện khai ngày 09/12/2007 là phù hợp với BKLĐT. Đồng thời, tại BKLĐT cũng đã nêu dây hội tháng có mức hội 200.000đồng, khai ngày 30/7/2008 âl, có 30 phần, BĐ tham gia 01 phần, phần hội BĐ hốt hội và còn nợ lại 15 lần không đóng. Xét thấy, khi kết thúc điều tra thì BKLĐT cũng đã được tổng đạt cho bị đơn (với tư cách bị hại trong vụ án hình sự), bị đơn cũng biết và hiểu rõ nội dung có tham gia chơi hội 02 dây hội có mức hội 500.000đồng và dây hội tháng có mức hội 200.000đồng nêu trên, cũng như còn nợ tiền hội chết của nguyên đơn nhưng bị đơn không phản đối hoặc khiếu nại nên bị đơn mặc nhiên thừa nhận, nguyên đơn chỉ khởi kiện bị đơn chỉ có 01 phần của 01 dây hội tháng có mức hội 500.000đồng là có lợi cho bị đơn. Do đó, theo nguyên đơn khởi kiện bị đơn có tham gia chơi hội dây hội tháng có mức hội 500.000đồng khai ngày 09/12/2007 và dây hội tháng có mức hội 200.000đồng khai ngày 30/7/2008, mỗi dây tham gia 01 phần, phần hội bị đơn hốt hội và còn nợ lại tiền hội chết là phù hợp với thực tế, khách quan.

[8] Đối với dây hội tháng có mức hội 300.000đồng, khai ngày 29/01/2008, cũng như số tiền nguyên đơn hỏi vay cho bị đơn 10.000.000đồng và tiền lãi 02 tháng 1.000.000đồng, bị đơn không thừa nhận và nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ để chứng minh theo yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét và theo yêu cầu này của nguyên đơn là không được chấp nhận.

[9] Ngoài ra, bị đơn còn thừa nhận có tham gia chơi dây hội 500.000 đồng khai ngày 9/12/2007 đã hốt và còn nợ 05 lần = 2.500.000 đồng, dây hội ngày có mức hội 10.000đồng, khai ngày 29/6/2008 âl, có 70 phần, tham gia 10 phần, đã hốt

hụi và còn nợ lại 09 lần không đóng với số tiền 900.000 đồng (10.000đ x 10 phần x 09 lần), nhưng nguyên đơn không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Theo BKLĐT kết luận dây hụi có mức hụi 1.000.000đồng khui ngày 28/8/2008 ăl bị đơn còn nợ hụi chết chưa đóng trả 16 lần, dây hụi có mức hụi 500.000đồng khui ngày 09/12/2007 ăl bị đơn còn nợ hụi chết chưa đóng trả 07 lần và dây hụi có mức hụi 200.000đồng khui ngày 30/7/2008 ăl bị đơn còn nợ hụi chết chưa đóng trả 15 lần. Xét thấy, khi kết thúc điều tra thì BKLĐT cũng đã được tổng đạt cho nguyên đơn (với tư cách bị can trong vụ án hình sự), bị đơn cũng biết và hiểu rõ nội dung kết luận của BKLĐT nêu trên, nhưng nguyên đơn cũng không phản đối hoặc khiếu nại nên nguyên đơn mặc nhiên thừa nhận. Do vậy, theo nguyên đơn khởi kiện chỉ có căn cứ chấp nhận dây hụi có mức hụi 1.000.000đồng khui ngày 28/8/2008 ăl bị đơn còn nợ hụi chết chưa đóng trả 16 lần, dây hụi có mức hụi 500.000đồng khui ngày 09/12/2007 ăl bị đơn còn nợ hụi chết chưa đóng trả 07 lần và dây hụi có mức hụi 200.000đồng khui ngày 30/7/2008 ăl bị đơn còn nợ hụi chết chưa đóng trả 15 lần.

[11] Theo các tài liệu, chứng cứ thì thể hiện bị đơn BĐ là người trực tiếp tham gia chơi hụi với nguyên đơn và lấy tên BĐ1 để ghi tên chơi hụi, chứ BĐ1 không có tham gia hoặc trực tiếp chơi hụi, cũng không có căn cứ chứng minh số tiền BĐ chơi hụi có được đem về chi xài chung với BĐ1 hay sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Qang cùng BĐ trả nợ là không có cơ sở, số tiền nợ hụi theo nguyên đơn yêu cầu một mình BĐ có nghĩa vụ và trách nhiệm.

[12] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, nhận thấy nội dung kháng cáo của nguyên đơn NĐ là có căn cứ một phần, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận phần có căn cứ. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng: chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn bà BĐ có nghĩa vụ trả tiền nợ hụi cho nguyên đơn số tiền 53.900.000đồng (Dây hụi 3.000.000đồng khui ngày 26/07/2007 ăl x 07 lần + Dây hụi 200.000đồng khui ngày 06/10/2007 ăl x 07 lần + Dây hụi 500.000đồng khui ngày 16/07/2008 ăl x 18 lần + Dây hụi 1.000.000đồng khui ngày 28/8/2008 ăl x 16 lần + Dây hụi 500.000đồng khui ngày 09/12/2007 ăl x 07 lần + Dây hụi 200.000đồng khui ngày 30/7/2008 ăl x 15 lần). Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NĐ về việc yêu cầu bị đơn BĐ và ông BĐ1 trả tiền nợ hụi và tiền vay số tiền 13.700.000đồng (Dây hụi 300.000đồng khui ngày 29/01/2008 ăl x 09 lần + Nợ vay, gốc 10.000.000đồng và lãi 1.000.000đồng)

[13] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn và áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[14] Do kháng cáo được chấp nhận, bản án sơ thẩm được bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, nguyên đơn NĐ là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án phí sơ thẩm được điều chỉnh lại cho đúng luật định.

[15] Các phần khác không kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn NĐ.

2/- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 5; Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; các Điều 144; 146; 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 357, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 30, Điều 31 Nghị Định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NĐ về việc yêu cầu bị đơn BD trả tiền nợ hui. Buộc bị đơn BD có nghĩa vụ trả tiền nợ hui cho nguyên đơn NĐ với số tiền là 53.900.000đồng (Năm mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn NĐ có đơn yêu cầu Thi hành án thì bị đơn BD phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả đủ số tiền nêu trên cho nguyên đơn NĐ theo quy định của Luật Thi hành án dân sự. Nếu bị đơn BD không thực hiện thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NĐ về việc yêu cầu bị đơn BD và BD1 trả tiền nợ hui và tiền vay với số tiền là 13.700.000đồng (Mười ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

2.3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn BD phải chịu 2.695.000đồng. Nguyên đơn NĐ được miễn nộp; Hoàn trả cho nguyên đơn NĐ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.730.000đồng theo Biên lại thu số 0008431 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

3/- Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo NĐ không phải chịu.

5/- Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hùng Nuôi